

Số: 04/2018/QĐST-KDTM

Hải An, ngày 21 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP E;

Trụ sở chính: Tầng A, văn phòng L, Tòa nhà V, số B, đường L, Phường B, Quận C, Thành phố H; địa chỉ Phòng giao dịch Tô Hiệu: Số D đường T, quận L, thành phố H; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1961, chức vụ: Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Diễm N, sinh năm 1964, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP E Chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền số: 13/2017/EIB/UQ-TGĐ ngày 13/02/2017); người được ủy quyền lại: Ông Phạm Lương Tuấn M, sinh năm 1985, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP E Chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền số: 3103-01/2017/EIBHP-TH/UQGD ngày 31/3/2017).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968 và ông Trần C, sinh năm 1965; địa chỉ ĐKKHKT: Số V đường L, phường Đ, quận L, thành phố H; cùng địa chỉ: Trang trại tại Lô E độ F Nông trường T, phường T, quận H, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Lợi Q, sinh năm 1960 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ ĐKHKT và trú tại: Số G (Số mới H), tổ dân phố N, phường Đ, quận N, thành phố H;

Ông Nguyễn Khánh D, sinh năm 1964; địa chỉ: Số I, phố P, phường N, quận L, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn - Bà Trần Thị H và ông Trần C có trách nhiệm về việc thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP E với tổng số tiền tính đến ngày 06/3/2018 là 312.190.252 (*bằng chữ: Ba trăm mười hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, hai trăm năm mươi hai*) đồng, trong đó:

- Khoản vay thứ 1: Tổng cộng 68.802.083 đồng, bao gồm: Tiền gốc: 65.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 3.506.944 đồng, tiền lãi quá hạn: 295,139 đồng.

- Khoản vay thứ 2: Tổng cộng 243.388.169 đồng, bao gồm: Tiền gốc: 230.100.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 12.865.465 đồng, tiền lãi trong hạn: 422.704 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành, khách hàng vay là bà Trần Thị H và ông Trần C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Khánh D , bà Trần Thị K và ông Đặng Lợi Q có trách nhiệm cùng bà Trần Thị H và ông Trần C thanh toán khoản tiền vay nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà H và ông D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì ông D, bà K và ông Q đồng ý thống nhất để Ngân hàng TMCP E yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản thứ 1: Quyền sử dụng 48,2m² đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số I, phố P, phường N, quận L, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BM, số vào sổ cấp GCN CH/NN do UBND quận L, thành phố H cấp ngày 04/7/2013 cho ông Nguyễn Khánh D (tài sản riêng).

- Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng 68.3m² đất, thửa đất số 80, tờ bản đồ số ĐG-39 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số G (Số mới H), tổ dân phố N, phường Đ, quận N, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BH, số vào sổ cấp GCN CH UBND quận N, thành phố H cấp ngày 00/7/2012 cho ông Đặng Lợi Q và vợ là bà Trần Thị K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Về án phí:

Bị đơn - Bà Trần Thị H và ông Trần C tự nguyện chịu cả tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.805.000 đồng (đã làm tròn) cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Trả lại Ngân hàng TMCP E số tiền 7.870.000 đồng - tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai số 0006714 ngày 10/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi thành án, quyền yêu cầu thi thành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An, Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Đỗ Đức Hoàng